

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

A. Nội dung tác phẩm

B. Tìm hiểu tác phẩm

1. Tác giả

- Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888), tự là Mịch Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai.
- Sinh ra tại quê mẹ ở làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh).
- Ông xuất thân trong gia đình nhà nho, cha là Nguyễn Đình Huy, người Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên – Huế), vào Gia Định làm thư lại tại dinh Tổng trấn Lê Văn Duyệt.
- Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài tại trường thi Gia Định.
- Năm 1846, ông ra Huế học, chuẩn bị thi tiếp tại quê cha, nhưng lúc sắp vào trường thi thì nhận được tin mẹ mất, phải bỏ thi trở về Nam chịu tang (1849).
- Dọc đường về, Nguyễn Đình Chiểu bị đau mắt nặng rồi bị mù. Không khuất phục trước số phận oan nghiệt, Nguyễn Đình Chiểu về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, và tiếng thơ Đỗ Chiểu cũng bắt đầu vang lên khắp miền Lục tỉnh.
- Năm 1859, khi giặc Pháp đánh vào Gia Định, người trí thức Nguyễn Đình Chiểu đã đứng vững trên tuyến đầu của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm cùng các nhà lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu tính kế đánh giặc và sáng tác những văn thơ cháy bỏng căm hờn, sôi sục ý chí chiến đấu.
- Nam Kỳ mất, ông ở lại Ba Tri (Bến Tre). Thực dân Pháp tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc, nhưng ông giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với nước với dân.
- Cuộc đời sáng tác của ông được chia làm hai giai đoạn chính: trước và sau khi thực dân Pháp xâm lược:
 - + Ở giai đoạn đầu, ông viết hai truyện thơ dài: *Truyện Lục Vân Tiên* và *Dương Từ – Hà Mậu*, đều nhằm mục đích truyền bá đạo lí làm người.

+ Đến giai đoạn sau, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu của văn thơ yêu nước chống Pháp nửa cuối thế kỉ XIX với những tác phẩm xuất sắc về cả nội dung tư tưởng, tình cảm và nghệ thuật như *Chạy giặc*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế Trương Định*, *Thơ điếu Trương Định*, *Thơ điếu Phan Tôn*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (còn gọi là *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca*, một truyện thơ dài).

*Nội dung thơ văn

- Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa:

+ Đạo lí làm người mang tinh thần nhân nghĩa của đạo Nho, nhưng lại rất đậm đà tính nhân dân và truyền thống dân tộc.

+ Những mẫu người lí tưởng trong tác phẩm là những con người sống nhân hậu, thủy chung, biết giữ gìn nhân cách ngay thẳng, cao cả, dám đấu tranh và có đủ sức mạnh để chiến thắng những thế lực bạo tàn, cứu nhân độ thế.

- Lòng yêu nước, thương dân:

+ Ghi lại chân thực thời kì đau thương của đất nước, khích lệ lòng căm thù quân giặc, nhiệt liệt biểu dương người anh hùng nghĩa sĩ hi sinh vì Tổ quốc

+ Tố cáo tội ác của kẻ thù, lên án những kẻ bán nước, cầu vinh

+ Ca ngợi những người sĩ phu yêu nước, giữ niềm tin vào ngày mai, bất khuất trước kẻ thù, khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước

*Phong cách nghệ thuật đậm sắc thái Nam Bộ:

- Ngôn ngữ: mộc mạc, bình dị như lời ăn tiếng nói của nhân dân Nam Bộ.

- Nhân dân: trọng nghĩa khinh tài, nóng nảy, bộc trực nhưng đậm thâm ân tình.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được Nguyễn Đình Chiểu viết theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định, để tưởng nhớ công ơn của những người nông dân đã anh dũng đứng

lên chống giặc. Năm 1858, giặc Pháp đánh vào Đà Nẵng, nhân dân Nam Bộ đứng lên chống giặc.

- Năm 1861, vào đêm 14 – 12, nghĩa quân tấn công đồn giặc ở Cần Giuộc trên đất Gia Định, gây tổn thất cho giặc, nhưng cuối cùng lại thất bại.

b. Thể loại

- Văn tế (ngày nay gọi là điệu văn) là thể văn thường dùng để đọc khi tế, cúng người chết, nó có hình thức tế – tưởng.

- Bài văn tế thường có các phần:

+ **Lung khởi** (cảm tưởng khái quát về người chết).

+ **Thích thực** (hồi tưởng công đức của người chết).

+ **Ai vãn** (than tiếc người chết).

+ **Kết** (nêu lên ý nghĩa và lời mời của người đứng tế đối với linh hồn người chết).

c. Phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm.

d. Bố cục: 4 phần

- Lung khởi (Từ đầu đến **...tiếng vang như mõ**): Cảm tưởng khái quát về cuộc đời những người nghĩa sĩ Cần Giuộc.

- Thích thực (Tiếp theo đến **...tàu đồng súng nổ**): Hồi tưởng cuộc đời và công đức của người nghĩa sĩ.

- Ai vãn (Tiếp theo đến **...con bóng xế dật dờ trước ngõ**): Lời thương tiếc người chết của tác giả và người thân của các nghĩa sĩ.

- Kết (Còn lại): Tình cảm xót thương của người đứng tế đối với linh hồn người chết.

e. Giá trị nội dung: Bài văn tế là tiếng khóc bi tráng cho một thời kì lịch sử đau thương nhưng vĩ đại của dân tộc. Tác giả đã xây dựng nên bức tượng đài bất tử về người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc. Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm với tất cả vẻ đẹp bi tráng của tấm lòng dũng cảm hi sinh vì Tổ quốc.

f. Giá trị nghệ thuật

- Ngôn ngữ chân thực, giàu cảm xúc.
- Lời văn biến ngẫu, uyển chuyển, giàu hình ảnh.
- Thủ pháp liệt kê, đối lập,...

C. Đọc hiểu tác phẩm**1. Lung khởi**

- Câu 1: Phép đối

+ *súng giặc* >< *lòng dân*

+ *đất rền* >< *trời tỏ*

→ Thời đại bão táp, tình thế đất nước căng thẳng, dữ dội.

- Câu 2: Phép đối, so sánh

+ *mười năm công võ ruông* >< *một trận nghĩa đánh Tây*

+ *chưa ất còn danh nổi như phao* >< *tuy là mất tiếng vang như mõ*

→ Khẳng định sự bất tử về cái chết của các nghĩa sĩ, tiếng thơm còn mãi muôn đời.

2. Thích thực

- Trước khi Pháp xâm lược

+ Là những người nông dân *cui cút làm ăn, toan lo nghèo khó*.

→ Hình ảnh người nông dân đơn độc, vất vả, lam lũ, luôn đối phó với cái nghèo.

+ Phép đối: *quen cày, cuốc, bừa* >< *không quen tập súng, mác, cò, cung nỏ*.

→ Họ là những người nông dân hoàn toàn xa lạ với việc binh đao.

- Khi giặc Pháp xâm lược:

+ Lo sợ: phấp phồng, trông chờ ở triều đình.

+ Căm ghét quân giặc: *muốn tới ăn gan, muốn ra cắn cổ, ghét...như nhà nông ghét cỏ.*

+ Nhận thức: *một mối sa thư đồ sộ...theo dê bán chó.* → Ý thức trách nhiệm đối với non sông, đất nước.

+ Hành động: Tự nguyện đứng lên đánh giặc.

+ Trong trận công đồn:

*Hoàn cảnh chiến đấu:

- Không biết về kinh thư yếu lược.
- Trang bị: *manh áo vải, ngọn tầm vông, dao phong...* → Trang bị thô sơ là những vật dụng sinh hoạt thường ngày.
- Quân giặc: *đạn nhỏ, đạn to, tàu sắt, tàu đồng* → vũ khí tối tân.

*Khí thế chiến đấu:

- Bút pháp tả thực.
- Động từ mạnh: *đạp, xô, đâm, chém, xông.*
- Các cụm từ vừa diễn tả tinh thần vừa diễn tả khí thế chiến đấu: *xô cửa, xông vào, đạp rào, hè trước...*
- Câu văn ngắn gọn, nhịp điệu khẩn trương, sôi động.

→ Tinh thần chiến đấu ngoan cường, quả cảm, dũng mãnh

⇒ Tác giả đã xây dựng bức tượng đài bất tử về người nông dân yêu nước, họ mang vẻ đẹp của người anh hùng chân chất mà làm nên lịch sử, vừa phi thường vừa bình thường.

3. Phần ai vãn và kết thúc

- Tiếc hận cho các nghĩa sĩ ra đi khi sự nghiệp còn dang dở, ý nguyện chưa thành.
Tiếc thương cho:

+ Quê hương, nhân dân: *Sông Cần Giuộc cỏ cây mây dậm sâu giăng; Chợ Trờng Bình già trẻ hai hàng lụy nhỏ.*

- + Gia đình, người thân: **Mẹ già khóc trẻ vợ yếu chạy tìm chồng** → Cảnh tan tác, hắt hiu, đau thương
- + Khóc uất cho tình cảnh đau thương của quê hương đất nước.
- Thể hiện được niềm cảm phục và tự hào đối với các nghĩa sĩ:
- + Dũng cảm đứng lên đánh giặc.
- + Cái chết đã làm sáng tỏ chân lí của thời đại **chết vinh còn hơn sống nhục**.
- + Biểu dương tâm trạng **ôi một trận khói tan nghìn năm tiết rỡ...**
- ⇒ Khích lệ những người còn sống đứng lên đánh giặc.

D. Sơ đồ tư duy

